

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 12 – 2024
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Tươi.

Ông Trần Thanh Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày: Bà và bà Phan Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hòa hợp. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị H.

Về con chung: Bà và bà H 02 người con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh năm 2000 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 01/01/2007. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Hoài A theo nguyện vọng của con, không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Đối với Nguyễn Hoài B đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, ông L có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện xin ly hôn với bà Phan Thị H, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Phan Thị H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà H tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L và bà Phan Thị H tự nguyện chung sống vào năm 2000, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, ông L xác định có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm nên hôn nhân không hạnh phúc và tại phiên toà hôm nay ông L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà H. Xét thấy, việc ông L và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Hoàng L và bà Phan Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông L và bà H 02 người con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh năm 2000 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 01/01/2007. Sau khi ly hôn, ông L yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Hoài A theo nguyện vọng của con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại Đơn nguyện vọng đề ngày 13/12/2024, cháu Hoài A có nguyện vọng được sống cùng ông L. Bà H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu giải quyết việc nuôi con của ông L, tuy nhiên bà không có ý kiến phản hồi. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Hoài A nên cần giao cháu Nguyễn Hoài A cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Đối với Nguyễn Hoài B đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000 đồng. Ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015170 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hoàng L và bà Phan Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 01/01/2007 cho ông Nguyễn Hoàng L nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu. Đối với Nguyễn Hoài B, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên đặt ra xem xét.

Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông L.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000 đồng. Ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015170 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- UBND xã Tân Ân Tây;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung